TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 1 · Đề số 21

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong các số 8, 10, 0, 6, số bé nhất là:

A. 8 **B.** 0 **C.** 10 **D.** 6

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 1 + 1 + 4 là:

A. 7 **B.** 6 **C.** 9 **D.** 8

Câu 3. *(0,5 điểm)* Trong hình dưới đây có bao nhiêu hình vuông?

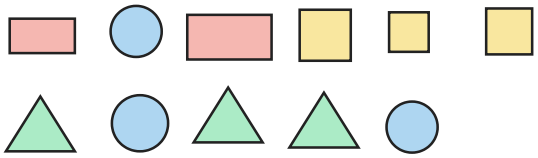

A. 4 **B.** 5 **C.** 0 **D.** 3

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số liền trước của số 3 là:

A. 3 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 2

Câu 5. *(0,5 điểm)* So sánh số bông hoa ở hàng trên với số con cá ở hàng dưới. Số bông hoa …… số con cá.

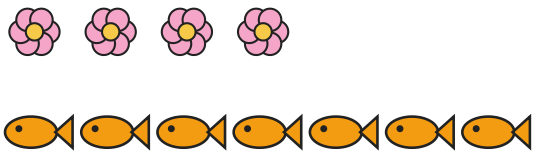

A. bằng **B.** nhiều hơn **C.** ít hơn

Câu 6. *(0,5 điểm)* Quyển sách ở trên cái bàn. Vậy cái bàn ở đâu so với quyển sách?

A. ở dưới **B.** ở bên trái **C.** ở trên **D.** ở bên phải

Câu 7. *(0,5 điểm)* Yến có 10 cái kẹo. Yến cho em 5 cái kẹo. Yến còn lại bao nhiêu cái kẹo?

A. 6 cái kẹo **B.** 5 cái kẹo **C.** 8 cái kẹo **D.** 7 cái kẹo

Câu 8. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu củ cà rốt trong hình?

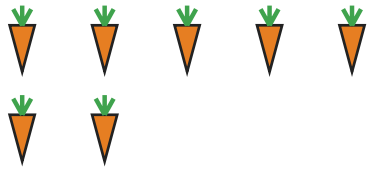

A. 7 **B.** 9 **C.** 4 **D.** 6

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 ……. 10

b) 4 + 3 ……. 5

c) 8 − 5 ……. 4

d) 4 − 0 ……. 6

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8 gồm 5 và …….

b) 8 gồm ……. và 2

c) 8 gồm 2 và …….

Câu 11. *(1 điểm)* Tính:

a) 2 + 1 + 1 = …….

b) 10 − 3 − 5 = …….

c) 4 + 3 + 3 = …….

d) 4 + 3 + 2 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

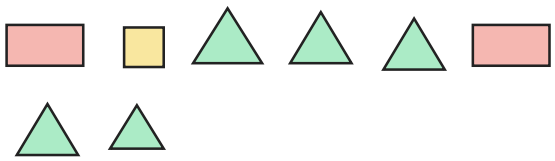

a) Có ……. hình tam giác.

b) Có ……. hình vuông.

c) Có ……. hình chữ nhật.

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 10, 8, 6, 4, ……., …….

b) 6, 5, ……., 3, ……., 1

Câu 14. *(1 điểm)* Tổ Một gấp được 3 con hạc giấy, tổ Hai gấp được 5 con hạc giấy. Cả hai tổ gấp được bao nhiêu con hạc giấy? Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Trả lời: Có tất cả ……. con hạc giấy.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 1 · Đề số 21

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	D	D	C	A	B	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) $2 < 10$

b) $4 + 3 > 5$

c) $8 - 5 < 4$

d) $4 - 0 < 6$

Câu 10.

a) 8 gồm 5 và 3

b) 8 gồm 6 và 2

c) 8 gồm 2 và 6

Câu 11.

a) $2 + 1 + 1 = 4$

b) $10 - 3 - 5 = 2$

c) $4 + 3 + 3 = 10$

d) $4 + 3 + 2 = 9$

Câu 12.

a) Có 5 hình tam giác.

b) Có 1 hình vuông.

c) Có 2 hình chữ nhật.

Câu 13.

a) 10, 8, 6, 4, 2, 0

b) 6, 5, 4, 3, 2, 1

Câu 14.

Phép tính: $3 + 5 = 8$ (hoặc $5 + 3 = 8$). Trả lời: 8 con hạc giấy.